TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T, TP. HN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 275/2020/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 15 tháng 09 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 427/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/09/2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1994

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Tuấn A, sinh năm 1993

Cùng trú tại: Cụm 9, thôn V, xã V, huyện T, thành phố H.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/09/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/09/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Hồng N và anh Nguyễn Xuân Tuấn A .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 24/7/2013 và cháu Nguyễn Hồng T, sinh ngày 27/02/2017. Giao cả hai con chung là cháu N và cháu T cho anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Anh Tuấn A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa không xét. Chị N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và công nợ: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Hồng N tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số 6874 ngày 28/08/2020. Chị N được hoàn trả 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- đăng ký kết hôn ngày 16/7/2013 tại UBND xã V, huyện T, tthành phố H;
- Lưu hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
Thẩm phán

Đã ký